



Kết nối - Phát triển : 31.02/2014/NVT-BCTC
Số
Ngày : 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Trần Anh Tâm

GCNĐKHNKT số: 1802-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		382.063.282.087	208.101.412.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	151.788.198.664	51.044.804.069
1. Tiền	111		151.788.198.664	51.044.804.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.709.480.169	26.488.240.454
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	14.743.215.807	20.236.216.325
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	34.609.866.671	6.168.247.951
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.413.462.230	1.404.421.730
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(2.057.064.539)	(1.320.645.552)
IV. Hàng tồn kho	140		180.593.834.859	130.269.449.545
1. Hàng tồn kho	141	V.6	180.593.834.859	130.269.449.545
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		971.768.395	298.918.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	664.000.000	85.300.570
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.248.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	23.588.907	40.339.699
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	284.179.488	167.029.488

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.657.352.334	282.997.128.777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		267.716.547.972	275.498.975.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	263.822.895.395	270.736.147.253
<i>Nguyên giá</i>	222		559.125.096.188	523.908.190.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(295.302.200.793)	(253.172.043.691)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.893.652.577	4.762.828.675
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.940.804.362	7.498.152.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.940.804.362	7.498.152.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		655.720.634.421	491.098.541.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		414.787.465.662	368.554.956.828
I. Nợ ngắn hạn	310		296.619.428.224	271.172.327.209
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	177.194.951.549	144.544.338.914
2. Phải trả người bán	312	V.14	83.072.308.413	85.255.568.104
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	2.516.595.239	1.484.775.651
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	14.324.606.581	16.486.861.523
5. Phải trả người lao động	315		8.627.851.035	6.934.492.950
6. Chi phí phải trả	316	V.17	441.167.983	708.392.798
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	10.008.967.423	10.889.124.306
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	432.980.001	4.868.772.963
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		118.168.037.438	97.382.629.619
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		86.400.000	86.400.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	118.081.637.438	97.296.229.619
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.933.168.759	122.543.584.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	240.933.168.759	122.543.584.334
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.266.344.710	9.134.644.710
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.473.940.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.573.514.500	15.573.514.500
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.446.135.447	2.446.135.447
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.647.174.102	18.863.229.677
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		655.720.634.421	491.098.541.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.007,47	138.880,86
Euro (EUR)		2.806,77	1.612,74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	620.854.807.056	607.581.830.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	13.501.317.272	16.560.833.652
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	607.353.489.784	591.020.996.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	483.267.061.005	510.866.613.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.086.428.779	80.154.382.461
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	663.341.097	235.698.088
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.258.094.640	25.856.768.095
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.135.670.944	24.132.107.704
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.180.746.175	8.345.469.195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	29.350.135.715	22.780.256.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.960.793.346	23.407.587.154
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.762.258.397	2.425.896.887
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.511.888.518	516.857.323
13. Lợi nhuận khác	40		(749.630.121)	1.909.039.564
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.211.163.225	25.316.626.718
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	15.516.513.762	6.453.397.041
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>50.694.649.463</u>	<u>18.863.229.677</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>6.298</u>	<u>2.420</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.211.163.225	25.316.626.718
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		42.130.157.102	29.872.538.103
- Các khoản dự phòng	03		736.418.987	(2.013.341.119)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(171.602.871)	1.660.874.511
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(203.739.771)	(217.945.568)
- Chi phí lãi vay	06		22.135.670.944	24.132.107.704
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		130.838.067.616	78.750.860.349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.382.367.564	(3.370.448.071)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.324.385.314)	6.446.426.490
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.405.442.096	(14.538.709.844)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		978.649.057	(7.276.724.355)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22.087.116.014)	(24.499.868.902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.426.249.829)	(899.079.816)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	6.225.309.454
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.855.018.000)	(2.015.102.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.911.757.176	38.822.663.305
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(76.463.057.475)	(7.447.120.903)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		203.739.771	217.945.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.259.317.704)	(7.229.175.335)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	84.605.640.000	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	636.919.551.030	501.659.792.809		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(583.689.569.451)	(494.948.374.041)		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.748.095.904)	(9.306.344.446)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>121.087.525.675</i>	<i>(2.594.925.678)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	100.739.965.147	28.998.562.292		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 51.044.804.069	21.990.970.208		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.429.448	55.271.569		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 151.788.198.664	51.044.804.069		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cấu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất; Đầu tư kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại nhà máy CMC2 – Khu Công Nghiệp Thụy Vân – thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	482.253.303	526.461.259
Tiền gửi ngân hàng	151.305.945.361	50.518.342.810
Cộng	<u>151.788.198.664</u>	<u>51.044.804.069</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	9.803.968.249	14.660.265.309
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	324.927.280	324.927.280
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	178.401.730	815.105.188
Tại Chi nhánh Hà Nội	4.435.918.548	4.435.918.548
Cộng	<u>14.743.215.807</u>	<u>20.236.216.325</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	34.597.866.671	6.012.247.951
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	12.000.000	156.000.000
Cộng	<u>34.609.866.671</u>	<u>6.168.247.951</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Tổng Công ty Sông Hồng	694.740.506	694.740.506
Phải thu chi nhánh Miền Trung - Công trình Chợ Vinh chưa quyết toán	584.352.672	584.352.672
Các khoản phải thu khác	134.369.052	125.328.552
Cộng	<u>1.413.462.230</u>	<u>1.404.421.730</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.320.645.552	1.547.483.465
Số trích trong năm	749.207.987	-
Hoàn nhập dự phòng	(12.789.000)	(226.837.913)
Số cuối năm	<u>2.057.064.539</u>	<u>1.320.645.552</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	109.720.130.839	70.683.922.159
Công cụ, dụng cụ	1.300.256.903	1.261.147.379
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.324.124.319	1.324.124.319
Thành phẩm	64.518.013.132	53.999.225.802
Hàng hóa	3.731.309.666	3.001.029.886
Cộng	<u>180.593.834.859</u>	<u>130.269.449.545</u>

(*) Là giá trị dở dang công trình Nam Trung Yên do Chi nhánh Hà Nội thi công cho Tổng Công ty Sông Hồng nhưng chưa quyết toán được.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí sửa chữa lò hơi và thay thế siclo

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	85.300.570	207.438.182
Tăng trong năm	664.000.000	409.442.727
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(85.300.570)	(531.580.339)
Số cuối năm	<u>664.000.000</u>	<u>85.300.570</u>

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	246.179.488	129.029.488
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	38.000.000	38.000.000
Cộng	<u>284.179.488</u>	<u>167.029.488</u>

03
ÔN
H N
IÊN
ÂN
S E

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	118.828.560.010	385.703.978.333	17.925.580.181	1.450.072.420	523.908.190.944
Tăng trong năm do mua mới	3.369.302.727	11.631.674.790	905.400.000	-	15.906.377.517
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	5.118.801.534	12.508.431.908	-	-	17.627.233.442
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản theo báo cáo XD/CB của kiểm toán	282.197.082	1.309.615.078	-	91.482.125	1.683.294.285
Số cuối năm	127.598.861.353	411.153.700.109	18.830.980.181	1.541.554.545	559.125.096.188
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	10.081.897.137	97.398.875.423	4.707.853.191	582.197.761	112.770.823.512
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.850.415.644	209.354.704.671	10.121.740.566	845.182.810	253.172.043.691
Tăng do khấu hao trong năm	12.864.203.799	26.624.868.905	2.426.239.785	214.844.613	42.130.157.102
Số cuối năm	45.714.619.443	235.979.573.576	12.547.980.351	1.060.027.423	295.302.200.793
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	85.978.144.366	176.349.273.662	7.803.839.615	604.889.610	270.736.147.253
Số cuối năm	81.884.241.910	175.174.126.533	6.282.999.830	481.527.122	263.822.895.395

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 261.230.201.674 VND và 216.889.806.601 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ	Kết chuyển vào CPSXKD	Số cuối năm
Nhà máy Sản xuất gạch CMC số 2	4.762.828.675	17.772.848.017	18.331.488.636	310.535.479	3.893.652.577
Mở rộng nhà kho CMC1	-	979.039.091	979.039.091	-	-
Cộng	4.762.828.675	18.751.887.108	19.310.527.727	310.535.479	3.893.652.577

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	48.072.720	48.072.720	-
Tiền thuê đất trả trước	7.450.080.129	1.509.275.767	5.940.804.362
Cộng	7.498.152.849	1.557.348.487	5.940.804.362

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	147.090.170.132	121.913.658.384
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (a)	69.383.259.633	45.626.696.118
Ngân hàng Công thương - CN TX Phú Thọ (b)	59.398.925.596	44.824.308.906
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	-	31.462.653.360
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	18.307.984.903	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.878.894.937	6.374.902.391
Vay dài hạn đến hạn trả	23.225.886.480	16.255.778.139
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	23.225.886.480	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	-	16.255.778.139
Cộng	177.194.951.549	144.544.338.914

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 24 tháng 6 năm 2014; hạn mức vay vốn 85.000.000.000 VND; hạn mức mở L/C 25.000.000.000 VND; trong đó đã bao gồm toàn bộ dự nợ vay ngắn hạn và dư nợ mở L/C chưa đến hạn thanh toán, dư bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay của bên vay tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013; lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 13290008/2013 – HỘTDHM/NHCT244 - CTCPCMC ngày 23 tháng 8 năm 2013; hạn mức cho vay ngắn hạn 45.000.000.000 VND; hạn mức mở L/C 15.000.000.000 VND; mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất gạch ốp lát Ceramic; lãi suất cho vay trong hạn là lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh theo quy định thỏa thuận.

(c): Khoản vay TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 14/DN-ĐB/NHHM 445 ký ngày 10 tháng 9 năm 2014 có tổng hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát. Thời hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời hạn cho vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ). Lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn trả lãi vay vào 26 hàng tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Tăng khác (lãi tiền vay nhập gốc)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	121.913.658.384	499.439.148.053	-	-	474.262.636.305	147.090.170.132
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	45.626.696.118	349.473.911.781	-	-	325.717.348.266	69.383.259.633
Ngân hàng Công thương - CN TX Phú Thọ	44.824.308.906	131.657.251.369	-	-	117.082.634.679	59.398.925.596
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Phú Thọ	31.462.653.360	-	-	-	31.462.653.360	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì		18.307.984.903				18.307.984.903
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.374.902.391	3.499.500.000	-	315.779.745	3.311.287.199	6.878.894.937
Vay dài hạn đến hạn trả	16.255.778.139	-	23.225.886.480	-	16.255.778.139	23.225.886.480
Cộng	144.544.338.914	502.938.648.053	23.225.886.480	315.779.745	493.829.701.643	177.194.951.549

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	80.116.019.293	82.299.278.984
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	72.000.000	72.000.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	2.884.289.120	2.884.289.120
Cộng	83.072.308.413	85.255.568.104

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	2.452.482.943	1.385.048.314
Tại chi nhánh Đà Nẵng	64.112.296	99.727.337
Cộng	<u>2.516.595.239</u>	<u>1.484.775.651</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.087.710.103	6.426.199.186
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(23.588.907)	(40.339.699)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.073.458.030	8.983.194.097
Thuế thu nhập cá nhân	500.878.527	1.041.994.403
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu, môn bài)	34.940.501	34.940.501
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.627.619.420	-
Cộng	<u>14.301.017.674</u>	<u>16.445.988.488</u>

(*) Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.211.163.225	25.316.626.718
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.655.888.518	496.961.445
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.655.888.518	496.961.445
Chi phí thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành	144.000.000	168.000.000
Các khoản phạt theo Biên bản thuế	3.508.888.518	107.191.428
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp BHXH	3.000.000	221.770.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	69.867.051.743	25.813.588.163
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	15.370.751.383	6.453.397.041
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	145.762.379	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>15.516.513.762</u>	<u>6.453.397.041</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

Là trích trước chi phí lãi vay phải trả.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.162.766.309	1.271.066.359
Bảo hiểm xã hội	408.751.107	1.417.483.210
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	579.377.250	1.835.993.154
Chiết khấu thương mại phải trả các Đại lý	3.439.536.595	2.544.401.811
Thưởng các Đại lý phân phối	-	757.000.000
Phải trả tiền đảm bảo trách nhiệm của CNV	48.000.000	63.000.000
Tiền ủng hộ của CB CNV	263.571.702	235.321.702
Phải trả tiền chế độ bảo hiểm xã hội	-	25.632.317
Phải trả phải nộp khác	4.106.964.460	2.739.225.753
Cộng	<u>10.008.967.423</u>	<u>10.889.124.306</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	432.980.001	4.868.772.963
Cộng	<u>432.980.001</u>	<u>4.868.772.963</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	118.081.637.438	97.296.229.619
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (a)	13.916.564.428	4.668.564.800
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (b)	11.261.527.070	5.315.568.454
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	-	87.312.096.365
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	92.903.545.940	-
Cộng	<u>118.081.637.438</u>	<u>97.296.229.619</u>

(a): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1229002/HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2012; thời hạn vay 42 tháng; lãi suất trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành cộng chi phí huy động vốn tăng thêm; Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 03 máy in trang trí m/c Rotocolor evolution, 01 máy mài cạnh khô và 05 xe nâng hàng.

(b): Khoản vay BIDV theo 2 hợp đồng:

(b1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 15 tháng 8 năm 2013 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa là 25.800.000.000 VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi); thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng; lãi suất cho vay VND là lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay USD là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(b2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 01 năm 2014 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 6.586.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 1 lần. Khoản vay này được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC ngày 17 tháng 01 năm 2014, là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư đã được duyệt, tổng giá trị thế chấp được dự toán là 9.964.000.000 VND.

(c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì theo: "Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 14/DN-ĐB/ĐTDA" ký ngày 26 tháng 8 năm 2014 có tổng số tiền vay là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: Cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa là 80 tỷ đồng; Cho vay bù đắp phần vốn Công ty đã đầu tư vào nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa 40 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là các bất động sản và động sản thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B1 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với tổng giá trị 245.274.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	14.573.514.500	2.446.135.447	11.773.097.202	114.453.451.859
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	18.863.229.677	18.863.229.677
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	1.000.000.000	-	(2.199.587.202)	(1.199.587.202)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(9.573.510.000)	(9.573.510.000)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	15.573.514.500	2.446.135.447	18.863.229.677	122.543.584.334
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	9.134.644.710	(3.473.940.000)	15.573.514.500	2.446.135.447	18.863.229.677	122.543.584.334
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	80.000.000.000	925.640.000	-	-	-	-	80.925.640.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	206.060.000	3.473.940.000	-	-	-	3.680.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	50.694.649.463	50.694.649.463
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	2.000.000.000	-	(3.419.225.038)	(1.419.225.038)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(15.491.480.000)	(15.491.480.000)
Số dư cuối năm nay	160.000.000.000	10.266.344.710	-	17.573.514.500	2.446.135.447	50.647.174.102	240.933.168.759

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	160.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.266.344.710	9.134.644.710
Cổ phiếu quỹ	-	(3.473.940.000)
Cộng	<u>170.266.344.710</u>	<u>85.660.704.710</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm trước	1.835.993.154	1.568.827.600
Tạm ứng cổ tức năm nay	14.912.102.750	7.737.516.846
Cộng	<u>16.748.095.904</u>	<u>9.306.344.446</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	205.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	205.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	7.794.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	7.794.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	620.854.807.056	607.581.830.040
Doanh thu bán hàng hóa	2.061.185.700	3.884.102.561
Doanh thu bán thành phẩm	618.793.621.356	603.697.727.479
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(13.501.317.272)	(16.560.833.652)
Chiết khấu thương mại	(12.495.779.392)	(15.758.172.015)
Giảm giá hàng bán	(563.325.182)	(463.050.600)
Hàng bán bị trả lại	(442.212.698)	(339.611.037)
Doanh thu thuần	607.353.489.784	591.020.996.388
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.061.185.700	3.884.102.561
Doanh thu thuần bán thành phẩm	605.292.304.084	587.136.893.827

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.821.327.633	3.070.942.202
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	481.445.733.372	509.582.174.931
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.786.503.206)
Cộng	483.267.061.005	510.866.613.927

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	203.739.771	217.945.568
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	287.998.455	15.479.711
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	171.602.871	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.272.809
Cộng	663.341.097	235.698.088

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.135.670.944	24.132.107.704
Lãi mua hàng trả chậm	-	63.785.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	122.423.696	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.660.874.511
Cộng	22.258.094.640	25.856.768.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.734.984.572	2.719.980.697
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.963.483	290.443.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.218.798.120	5.184.482.824
Chi phí bằng tiền khác	-	150.562.549
Cộng	<u>6.180.746.175</u>	<u>8.345.469.195</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.460.129.956	9.086.161.764
Chi phí vật liệu quản lý	1.472.953.454	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.263.182	27.858.729
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.327.208.459	1.752.273.999
Thuế, phí và lệ phí	1.181.751.590	368.206.218
Chi phí dự phòng	736.418.987	(226.837.913)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.537.771.387	9.289.439.166
Chi phí bằng tiền khác	3.611.638.700	2.483.154.142
Cộng	<u>29.350.135.715</u>	<u>22.780.256.105</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán phế liệu	2.687.566.097	2.377.896.887
Thu tiền cho thuê quầy	-	48.000.000
Thu nhập khác	74.692.300	-
Cộng	<u>2.762.258.397</u>	<u>2.425.896.887</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị phế liệu xuất bán trong năm	-	187.895.878
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	107.191.428
Phạt chậm nộp thuế	2.496.791.968	-
Truy thu thuế TNCN	485.819.901	-
Truy thu thuế GTGT	46.430.918	-
Truy hoàn thuế GTGT	229.697.715	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp BHXH	253.148.016	221.770.017
Cộng	<u>3.511.888.518</u>	<u>516.857.323</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.694.649.463	18.863.229.677
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.694.649.463	18.863.229.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.048.982	7.794.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.298</u>	<u>2.420</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.794.100	7.794.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ tái phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2014	79.539	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2014	175.342	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>8.048.982</u>	<u>7.794.100</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	1.817.700.637	13.498.852.052
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn	315.779.745	130.329.413
Cộng	<u>2.133.480.382</u>	<u>13.629.181.465</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.086.659.000	2.059.473.668
Cộng	<u>2.086.659.000</u>	<u>2.059.473.668</u>

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.788.198.664	51.044.804.069	151.788.198.664	51.044.804.069
Phải thu khách hàng	12.686.151.268	18.915.570.773	12.686.151.268	18.915.570.773
Các khoản phải thu khác	1.697.641.718	1.571.451.218	1.697.641.718	1.571.451.218
Cộng	166.171.991.650	71.531.826.060	166.171.991.650	71.531.826.060
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	295.276.588.987	241.840.568.533	295.276.588.987	241.840.568.533
Phải trả người bán	83.072.308.413	85.255.568.104	83.072.308.413	85.255.568.104
Các khoản phải trả khác	19.164.386.441	18.618.410.054	19.164.386.441	18.618.410.054
Cộng	397.513.283.841	345.714.546.691	397.513.283.841	345.714.546.691

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị còn lại sổ sách
Nhà cửa, vật kiến trúc	61.463.886.194
Máy móc thiết bị	153.612.399.457
Thiết bị dụng cụ quản lý	442.510.950
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (nhà máy 2)	1.371.010.000
Cộng	216.889.806.601

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	177.194.951.549	118.081.637.438	-	295.276.588.987
Phải trả người bán	83.072.308.413	-	-	83.072.308.413
Các khoản phải trả khác	19.077.986.441	86.400.000	-	19.164.386.441
Cộng	279.345.246.403	118.168.037.438	-	397.513.283.841
Số đầu năm				
Vay và nợ	144.544.338.914	97.296.229.619	-	241.840.568.533
Phải trả người bán	85.255.568.104	-	-	85.255.568.104
Các khoản phải trả khác	18.532.010.054	86.400.000	-	18.618.410.054
Cộng	248.331.917.072	97.382.629.619	-	345.714.546.691

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đúng qui định của Thông tư này, Công ty sẽ áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt).

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy